

Số: 07 /2021/NQ-HĐND

Long An, ngày 17 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác cần được trợ giúp khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 2088/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 412/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác cần trợ giúp khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác cần trợ giúp khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Long An;

b) Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Các đối tượng khó khăn khác cần được trợ giúp khẩn cấp trên địa bàn tỉnh, gồm: Những đối tượng thuộc diện hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị mắc bệnh hiểm nghèo, bị thương tật nghiêm trọng (do bị bỏng, đuối nước, điện giật, té ngã, động vật cắn hoặc do các lý do bất khả kháng khác) phải cấp cứu và điều trị tại cơ sở y tế từ 3 ngày trở lên. Những đối tượng này không trùng lặp với các đối tượng đã được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng. Thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

b) Mức trợ giúp xã hội: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

4. Mức trợ giúp xã hội khẩn cấp cho các đối tượng khó khăn khác

- Mức 5.000.000 đồng/người/lần/năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.
- Mức 3.000.000 đồng/người/lần/năm do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.
- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể việc phân cấp quyết định trợ giúp xã hội khẩn cấp cho các đối tượng khó khăn khác theo các mức được quy định tại khoản này.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, hỗ trợ nhận chăm sóc tại cộng đồng và kinh phí thực hiện chi trả chính sách; tuyên

truyền, xét duyệt đối tượng; ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ và kiểm tra giám sát được bố trí trong dự toán hàng năm chi đảm bảo xã hội theo phân cấp ngân sách của tỉnh.

2. Kinh phí bảo đảm để chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng đối tượng bảo trợ xã hội sống trong Trung tâm công tác xã hội tỉnh do ngân sách tỉnh cấp trong dự toán chi đảm bảo xã hội (nếu Trung tâm do cấp huyện thành lập do ngân sách huyện cấp trong dự toán chi đảm bảo xã hội).

3. Kinh phí chi hoạt động thường xuyên và các chi phí khác của cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật. Cơ sở trợ giúp xã hội được tiếp nhận, sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí và hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp và giúp đỡ từ thiện; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn kinh phí để thực hiện trợ giúp khẩn cấp bao gồm: Ngân sách hỗ trợ của Trung ương, ngân sách tự cân đối của địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác như: trợ giúp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho địa phương hoặc thông qua cơ quan, tổ chức.

Trường hợp nguồn kinh phí trên không đủ để thực hiện việc trợ giúp khẩn cấp, giao Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ hàng hóa từ nguồn dự trữ quốc gia theo quy định.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối tượng đang hưởng chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Long An thì được chuyển sang mức và hệ số tương ứng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trường hợp các Bộ, ngành Trung ương có hướng dẫn khác, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa X, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (B/c);
- Chính phủ (B/c);
- Văn phòng Quốc hội, VPCP (b/c);
- Các Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Lao động – TB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QLPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ LĐTBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy; TTHĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (P. CT HĐND – 2b);
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (NgC) (12)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được